

# VĂN HỌC DÂN GIAN

## TỪ SAU HIỆP ĐỊNH GIONEVO (1954)

### ĐẾN NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (1975)

Nguyễn Xuân Kính\*

**Tóm tắt:** Trong hai chục năm đất nước bị chia cắt, văn học dân gian người Việt không chỉ theo sát cuộc kháng chiến chống Mỹ ở cả hai miền, mà còn kịp thời phản ánh cuộc sống lao động, học tập và các mối quan hệ xã hội ở miền Bắc. Tục ngữ, ca dao, truyện cười, giai thoại là những thể loại chủ yếu. Trong khi khá nhiều tác phẩm văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở miền Bắc được sưu tầm, dịch ra tiếng Việt và biến đổi nhanh, nhìn chung văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên ít được sưu tầm, ít thay đổi.

**Từ khóa:** Văn học dân gian, kháng chiến chống Mỹ, văn học dân gian người Việt, văn học dân gian các dân tộc thiểu số.

Sau hiệp định Gionevo (1954), nước ta bị chia thành hai miền Nam Bắc cho đến ngày 30-4-1975 mới thống nhất. Miền Bắc vừa xây dựng cuộc sống mới vừa là hậu phương lớn chi viện cho cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam, có thời gian còn trực tiếp chống lại chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ.

#### 1. Văn học dân gian người Việt theo sát cuộc kháng chiến ở hai miền

Có hàng trăm lời ca dao ở miền Bắc ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ở đây chúng tôi chỉ xin dẫn hai thí dụ:

- Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ câu Bác dạy, nhớ điều Bác khuyên

Những lời vàng ngọc không quên

Con đường thống nhất càng bền đấu tranh (1).

- Còn non, còn nước, còn người

Cây xanh để lại cho đời nở hoa

Nhớ lời di chúc của cha

Chúng con ra trận hái hoa dâng Người (2).

Đồng bào miền Nam thể hiện niềm tin son sắt đối với lãnh tụ:

- Ấu nào ấu lại tròn

Bồ hòn nào bồ hòn lại méo

Mỹ Diệm ơi đừng nói trác trẻo chẳng ai nghe

Dù chúng bay xuyên tạc chán chê

Đồng bào vẫn nhớ có Bác Hồ thì mọi bề mới êm (3).

- Không nên thêm bớt một lời

Nhà ta ta ở không dời không đi

Dân cụ Hồ chỉ một lời thề

Mạng này đổi mạng bám què đến cùng (4).

Nhân dân ta hiểu rằng, thù phạm đầu sỏ của nỗi đau chia cắt đất nước, của bao đau thương, tang tóc là quân xâm lược Mỹ. Vì vậy, đánh Mỹ là tất yếu:

- Cho dù giặc Mỹ trăm tay

Cũng không chia được đất này làm hai

Cho dù cạn nước Đồng Nai

Nát chùa Thiên Mụ không sai tác lòng (5).

\* GS.TS.

- *Lẻ loi như cụm núi Sầm*

*Thần nhiên như mặt nước đầm Ô Loan*

*Từ ngày giặc Mỹ kéo sang*

*Núi Sầm trời dậy, Ô Loan sóng trào*

*Quê mình tay súng tay dao*

*Đầm sâu làm huyết, núi cao làm mồ (6).*

Chính quyền Sài Gòn bắt lính, nhiều thanh niên trí thức ngao ngán rồi bỏ sách đèn, bước vào cuộc đời binh nghiệp bất đắc dĩ:

*Rót tú tài, anh đi trung sĩ*

*Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con*

*Bao giờ yên ổn nước non*

*Anh về anh có Mỹ con anh bỗng (7).*

Nếu miền Bắc có Đảng Lao động (8) thì anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu cũng lập Đảng Cần lao. Nếu Hồ Chủ tịch dạy cán bộ “cần, kiệm, liêm, chính”, “yêu nước thương dân” thì Ngô Đình Nhu đưa ra thuyết “cần lao, nhân vị, duy linh”. Họ Ngô giải thích học thuyết này là: “Đề nhân cách được tôn trọng, đồng thời hạnh phúc được thành tựu”. Nhưng chính một người đã từng làm việc trong chính phủ Ngô Đình Diệm, trong cuốn sách *Việt sử khảo luận* xuất bản năm 1994 tại Pari, kể lại rằng: “Mọi cán bộ Cần lao nhân vị đều phải học như vẹt mà chẳng hiểu chi cả”(9). Công chức, viên chức thì không hiểu, nhưng dân nghèo lại hiểu rất rõ:

- “*Cần lao*” là dân nghèo lao đao thất nghiệp

“*Nhân vị*” là mọi người xách bị bán cùng

*Dù có tô son điểm phấn mấy lần*

*Trắng đen trong đục mười phân rõ mười (10).*

- “*Cần lao*” vì sao dân đói

“*Nhân vị*” sao bắt dân tròng trệ nhục hình

*Mồ hôi nước mắt dân mình*

*Dùng đồ ra nuôi béo gia đình họ Ngô (11).*

Đối với đế quốc Mỹ và các quan chức của chính quyền Sài Gòn, đồng bào miền Nam tố cáo, phê phán quyết liệt. Còn đối với những người lính trong quân đội Sài Gòn, bà con cô bác chỉ rõ hoàn cảnh khó khăn của họ, ân cần khuyên nhủ họ quay về với cách mạng:

- *Nước chảy riu riu, lục bình trôi riu riu*

*Anh bị bắt lính rồi, cha mẹ yếu ai nuôi? (12)*

- *Anh là con cháu nhân dân*

*Thương anh như thể tay chân ruột rà*

*Nơi nào anh vác súng ra*

*Cũng có cô bác mẹ cha đón chờ (13).*

- *Lỡ tay trót đã nhúng chàm*

*Lỡ bị bắt lính tính làm sao đây?*

*Súng giặc mình nắm trong tay*

*Thì thừa cơ hội, ta quay bán thù (14).*

Trong nội bộ nhân dân ở vùng giải phóng, có lời ca dao đối đáp:

*Long An anh dũng kiên cường*

*Toàn dân đánh Mỹ mượn xuống không cho?*

- *Đánh giặc cả nước phải lo*

*Riêng thằng cà chón không cho mượn xuống! (15)*

Theo Hiệp định Giơnevơ, một số cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, những người vợ ở lại vừa đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn, vừa chung thủy đợi chờ:

*Ai lên trên rừng cho em xin miếng gỗ trắc*

*Gửi ra miền Bắc chạm bốn câu thơ*

*Câu thương, câu nhớ, câu đợi, câu chờ*

*Ngoài nở lo kiến thiết thì trong ni cũng hàng giờ đấu tranh (16).*

Bị thua đau ở miền Nam, đế quốc Mỹ dùng không quân, hải quân bắn phá miền Bắc để trả đũa, để ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Bên

cạnh các đơn vị tên lửa, pháo binh, các xã viên hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có không ít người là phụ nữ, đã dùng súng trường sẵn sàng chiến đấu:

*Hùng dũng chưa dứt tiếng gà*

*Vai cày, vai súng ta ra ngoài đồng*

*Tay cày, súng khoác trên lưng*

*Vừa cày dưới ruộng, vừa trông lên trời*

...

*Cả gan giặc Mỹ vào đây*

*Ta hạ tay cày, tung lưới lửa lên*

*Cắm thù chặt chĩa trong tim*

*Đạn tao nạp sẵn dành riêng tặng mày (17).*

Nấc thang cuối cùng là Mỹ dùng máy bay chiến lược B52 trút bom xuống Hà Nội. Sau 12 ngày đêm khói lửa, không quân Mỹ thất bại thảm hại, hàng chục chiếc pháo đài bay tan xác, lốc nhốc phi công bị bắt và bị giam tại Hỏa Lò:

*Bê-năm-hai là bê già khom*

*Hóa ra bò lổm ngổm như cua*

*Những con bèo chắc mu rùa*

*Mười hai ngày húc Hỏa Lò mấy xâu*

*Nhắc cho giặc Mỹ mấy câu*

*Đọa người chẳng được đòn đau nhớ đời (18).*

Không chỉ sử dụng ca dao, nhân dân ta còn dùng tục ngữ để tổng kết các kinh nghiệm chiến đấu, ghi công các anh hùng chống Mỹ: “Tiếng hát át tiếng bom”; “Giặc hờ ta đánh, giặc tránh ta dò, giặc thò ta diệt” (cách đánh giặc của quân giải phóng); “Vũ khí tối tân không bằng toàn dân đoàn kết”; “Một tác không đi, một li không rời” (chống đồn dân vào “ấp chiến lược”); “Ăn trên mâm pháo, ngủ trên chiến hào, nắng cháy mưa rào không rời trận địa” (bộ đội phòng không Hải Phòng);

“Xe chưa qua, nhà không tiếc” (lưu truyền ở Nhật Lệ, Quảng Bình); “Xương đồng da sắt, bắt mục tiêu xa” (bộ đội cao xạ); “Hiển công, hiển kế, tập thể tiến công” (bộ đội thông tin đoàn X); “Tìm hàng mà chờ, dỡ hàng mà đi” (bộ đội vận tải); “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” (bộ đội vượt Trường Sơn); “Ra đường: đường thông, xuống sông: thông bốn” (bộ đội công binh); “Bệnh viện bớt một giường, chiến trường thêm một dũng sĩ” (bộ đội quân y); “Nhất đi, nhì Mỹ” (thực chất của xâm lược Mỹ); “Gọn như Ba Gia, xông pha như Áp Bắc, đánh chắc như Vạn Tường, ngoan cường như Khâm Đức” (những nơi lập chiến công của bộ đội miền Nam); “Bình tĩnh như Nguyễn Văn Minh, sẵn sàng hi sinh như Lê Quang Giáp” (hai dũng sĩ tiêu biểu của đoàn X, quân khu bốn); “Hiên ngang như anh Trỗi trước giờ xử bắn, minh mẫn như anh Xuân trong lúc đánh quân thù” (liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi gài mìn diệt Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Macnamara khi quan chức này đến miền Nam, nhưng không thành; bị địch bắt, tra khảo, dụ dỗ vẫn không khuất phục và hiên ngang lẫm liệt tại pháp trường khiến kẻ thù phải khiếp sợ; liệt sĩ Nguyễn Việt Xuân nổi tiếng với lời hô: “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”) (19).

Truyện cười và giai thoại được sáng tác nhằm chế giễu, đả kích địch và ca ngợi tài trí của các nhà lãnh đạo của ta. Chẳng hạn, đây là giai thoại về nhà ngoại giao Xuân Thủy (1912 - 1985). Tại Hội nghị Pari, trưởng phái đoàn Mỹ là Hariman, trưởng phái đoàn ta là Xuân Thủy. Gặp nhau lần đầu giữa đồng đảo các phong viên báo chí quốc tế, cả hai bắt tay nhau, nhưng sau đó, ngay lập tức, Hariman rút khăn mùi soa lau tay. Thấy vậy, Xuân Thủy cũng lau tay, chỉ khác ở chỗ lau tay xong, Hariman lại cho khăn vào túi, còn Xuân Thủy thì quẳng chiếc khăn đi (20).

## 2. Văn học dân gian người Việt thể hiện cuộc sống lao động, học tập, sinh hoạt và các mối quan hệ xã hội ở miền Bắc

Trong thời gian chống Mỹ, ở cả hai miền Nam, Bắc cũng có những khoảng hòa bình, hoặc cùng ở một miền ở địa phương này có chiến sự, ở địa phương khác thì không. Những lúc đó, người ta lao động sản xuất, học hành, vui chơi,... Rất tiếc tư liệu về mảng văn học dân gian này ở miền Nam chưa được sưu tầm đến mức đủ để rút ra nhận xét. Chúng tôi chỉ có thể làm việc này đối với văn học dân gian lưu truyền ở miền Bắc.

Những câu tục ngữ mới lưu truyền trong các nhà máy: “Xưởng mẹ đẻ xưởng con”; “Tăng giờ sống, chống giờ chết”; “Một sáng kiến hay bằng ngàn tay lao động” (21);...

Trong môi trường cán bộ, công nhân viên có các câu: “Cán bộ đi trước, làng nước theo sau”; “Cán bộ nào phong trào ấy” (22);...

Các cơ quan đều có bếp ăn tập thể. Ai đi vắng không ăn thì phải cất cơm. Ai có khách muốn ăn thì cần báo trước để nhà bếp nấu thêm. Có khách ăn thêm một suất thì khách hoặc chủ, ngoài việc đóng tiền còn phải đóng một chiếc tem gạo 225 gam. Có không ít cảnh chồng làm việc một nơi, vợ làm việc nơi khác. Họ được gặp nhau vào tối thứ bảy và ngày chủ nhật. Lúc đó có câu nói: “Vợ ở đâu thì thủ đồ ở đấy”. Đây là một số thao tác đã được tục ngữ hóa mà người chồng thường làm trong ngày thứ bảy khi ở cơ quan mình: “Cất cơm, bơm xe, nghe thời tiết, liếc đồng hồ, vò xe đạp, phóng”. Còn đây là những thao tác của người vợ trong ngày thứ bảy chờ đợi: “Tắm rửa, sửa lông mày, thay quần áo, báo thêm cơm” (23).

Trong ngành giáo dục cũng có tục ngữ mới: “Học sinh chưa hiểu bài, sáng mai thầy dậy sớm”; “Chưa học thuộc bài chưa đi ngủ, chưa làm bài tập đủ chưa đi chơi”; “Chưa học bài xong chưa đi ngủ, chưa làm bài đủ, ngủ

chưa yên”; “Tiết học hay, ngày học tốt”(24); “Dạy toán, học văn, ăn thể dục” (25);...

Trong xã hội cũ, nông dân là lực lượng sản xuất đông đảo nhất, đã để lại nhiều nghìn câu tục ngữ về sản xuất nông nghiệp. Trong xã hội mới, nông dân vẫn chiếm đa số dân số, họ là xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Bên cạnh việc kế thừa các kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác cổ truyền, họ được tổ chức sản xuất theo kiểu mới, với khí thế ban đầu đầy quyết tâm: “Hợp tác là nhà, xã viên là chủ”; “Cấy thưa thừa đất, cấy dày thóc chất đầy kho”; “Tranh thủ trời nắng, chiến thắng trời mưa, gặt trưa đập tối”; “Hổ phân đầy chôn cây giặc Mỹ”; “Thả cá xóa đói nghèo”, “Nghiêng đồng đổ nước ra sông”; “Vất đất ra nước thay trời làm mưa; “Biển đòi trở thành rừng xanh, biển điền thanh thành khoai lúa”; “Thắng mặn chua như Quảng Nạp, thắng phức tạp như Minh Sinh, thắng sinh lây như Tri Chi” (các địa phương có thành tích ở Thái Bình và tỉnh Hà Tây cũ) (26);...

Máy cày, máy cấy là những công cụ sản xuất mới:

*Đồng làng máy cày đã quen*

*Tùng khóm thẳng tắp như trên bàn cờ (27).*

Những công nhân lái máy cày, máy cấy không do hợp tác xã quản lý; họ hưởng lương từ nơi khác. Lúc đầu, quan hệ công nông đẹp đẽ, trong sáng, nhưng dần dần những người thợ lái gây khó dễ để bà con xã viên phải chiều đãi họ. Từ đó, bà con bảo nhau: “Trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà” (28).

Bộ máy quản lý của các hợp tác xã ngày càng bộc lộ những chỗ yếu. Trung bình ở mỗi hợp tác xã vùng châu thổ Bắc Bộ, bộ phận quản lý gián tiếp chiếm đến 6 - 7 % số lao động. Trình độ cán bộ, bao gồm cả chủ nhiệm hợp tác xã, kế toán trưởng, đội trưởng sản xuất rất thấp. Việc ăn chia, phân phối trong hợp tác xã không hợp lý, không công bằng. Kĩ

thuật sản xuất và vấn đề dân chủ của xã viên không được tôn trọng. Tệ nạn tham ô xảy ra ngày càng nhiều. Chỉ riêng trong năm 1973, tại 378 hợp tác xã đã có 1.148 vụ tham ô (29). Từ cuối những năm 60 đến đầu những năm 70 xuất hiện những lời ca dao:

- *Mỗi người làm việc bằng hai,*

*Để cho chủ nhiệm mua đài, mua xe*

- *Mỗi người làm việc bằng ba*

*Để cho chủ nhiệm xây nhà, lát sân*

- *Mỗi người làm việc bằng tư*

*Để cho chủ nhiệm ăn dư để dành*

- *Mỗi người làm việc bằng năm*

*Để cho chủ nhiệm vừa nằm vừa ăn (30).*

Trong các xã viên, lưu truyền câu chuyện bầu ban quản trị hợp tác xã nhiệm kỳ mới. Tại đại hội xã viên, ai phát biểu cũng phê phán ban quản trị thiếu gương mẫu, tham ô của chung, làm giàu cho riêng mình. Vậy mà đến khi bầu ban quản trị mới, tất cả ban quản trị cũ đều trúng cử với số phiếu tán thành 100%. Lãnh đạo cấp trên về dự đại hội, rất ngạc nhiên, đã hỏi riêng một xã viên tại sao họ lại bầu như vậy? Người này trả lời: Ban quản trị cũ đã tham ô đủ để xây nhà, xây sân, mua sắm xe đạp, đài bán dẫn. Đến nhiệm kỳ này họ sẽ kiểm chác để ăn ngon thôi. Nếu bầu người mới thì người ấy sẽ vợ vệt nhiều gấp bội để kiến thiết nhà cửa, mua sắm đồ đạc và ăn uống (31).

### 3. Vấn đề thể loại của văn học dân gian mới và việc tái sinh văn học dân gian cổ truyền của người Việt

Văn học dân gian mới của người Việt được sáng tác và lưu hành qua phương thức truyền miệng và các phương thức ghi chép, in ấn. Tục ngữ, ca dao, truyện cười và giai thoại là những thể loại dễ thấy. Ngụ ngôn khó thấy. Thần thoại, truyền thuyết, truyện

cổ tích vắng bóng. Trong khi sáng tác, trong một số trường hợp, các tác giả sửa đổi hoặc phát triển tác phẩm văn học dân gian cổ truyền. Từ câu tục ngữ cũ “Cái khó bó cái khôn”, đến thời gian này ra đời câu “Cái khó ló cái khôn”. Từ lời ca Quan họ cổ truyền:

*Sông Cầu nước chảy lơ thơ*

*Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi*

một lời ca dao mới xuất hiện:

*Sông Cầu nước chảy lơ thơ*

*Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi*

*Thương nhau ta tát gầu đôi*

*Vục gầu ta tát sao rơi trên gầu*

*Máy bay Mỹ lượn trên đầu*

*Ta vẫn vục gầu múa ánh trăng rơi (32).*

Bên cạnh văn học dân gian mới, văn học dân gian cổ truyền được tái sinh bởi nhiều cuốn sách sưu tầm, biên soạn của nhiều tác giả, trong đó có Vũ Ngọc Phan với *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* (từ năm 1956 đến năm 1971 được xuất bản bảy lần), có Nguyễn Đông Chi với *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (từ năm 1958 đến năm 1975 xuất bản bốn tập) (33), có Thuần Phong với *Ca dao giảng luận* (xuất bản năm 1957 tại Sài Gòn), bởi sách giáo khoa văn học dành cho học sinh phổ thông ở miền Bắc.

### 4. Văn học dân gian các dân tộc thiểu số

Trên miền Bắc, năm 1964, một đoàn sinh viên của Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội dưới sự hướng dẫn của thầy Vương Hoàng Tuyên lên Lạng Sơn thực tập. Họ đã chứng kiến cảnh đồng bào Nùng hát si ở hai bên đường tàu, trong toa tàu hỏa rất hồn nhiên, tự phát (không có sự sắp đặt của cán bộ văn hóa) (34). Thời gian sau, những sinh hoạt văn nghệ như vậy không được khuyến khích, thậm chí còn bị cấm bởi quan niệm ca hát như vậy làm mất thời gian, ảnh hưởng

đến lao động sản xuất, bởi chính quyền sơ các nam thanh niên đánh nhau vì ghen tuông, bởi do chiến tranh phá hoại của Mỹ nên không được tụ tập đông người.

Việc chuyển cư một bộ phận đáng kể người miền xuôi lên miền núi theo chủ trương, kế hoạch của nhà nước có mặt tích cực, song cũng dẫn đến việc góp phần tàn phá môi trường sinh thái: “Thái Đen, Thái Trắng, Thái Bình/ Ba Thái đồng tình phá hoại rừng xanh”. Việc thực hiện khẩu hiệu “Miền núi tiến kịp miền xuôi” có mặt đúng, nhưng cũng đem lại hậu quả tiêu cực là làm biến dạng, thậm chí có nơi làm tan rã văn hóa tinh thần cổ truyền của các dân tộc thiểu số, trong đó có văn học dân gian.

Trong khi khá nhiều tác phẩm văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở miền Bắc được sưu tầm, dịch ra tiếng Việt và biến đổi nhanh, nhìn chung văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên theo bước đi chậm rãi của lịch sử, ít được sưu tầm; ít bị ảnh hưởng của thời cuộc, vẫn tự nhiên, “hồn nhiên” tồn tại như trước. Bằng chứng là nhà nhân học chân trần Jacques Dournes, người đã sống với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên từ năm 1946 đến năm 1970 đã ghi lại trong những cuốn sách của ông khá nhiều tác phẩm folklore ngôn từ nguyên sinh của đồng bào (35)/.

N.X.K

1. Trần Gia Linh (2015), *Văn học dân gian hiện đại*, quyển 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 298.

2. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 300.

3. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 291.

4. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 322.

Những năm 1961, 1962, quân đội Sài Gòn mở chiến dịch dồn dân vào ấp chiến lược để kiểm soát nhân dân, khủng bố cách mạng. Đồng bào miền Nam anh dũng đấu tranh bám đất, bám làng, thủy chung với cách mạng (theo Trần Gia Linh).

5. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 64.

6. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 85.

7. Lời ca dao này không được các tác giả Trần Gia Linh, Nguyễn Anh Động ghi. Học sinh, sinh viên ở các đô thị miền Nam cuối những năm 60 của thế kỉ trước đều thuộc.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập ngày 3/2/1930. Sau khi thành lập được ít lâu, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương; từ năm 1951 đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam; đến tháng 12 năm 1976 đổi lại là Đảng Cộng sản Việt Nam (*Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1, 1995, tr. 729).

9. Dẫn theo Đặng Phong (2004), *Kinh tế miền Nam thời kì 1955 - 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 95.

10. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 39. Đối chiếu với các bản khác, chúng tôi đã sửa lại hai chỗ. - N.X.K.

11. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 39.

12. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 17.

Chúng tôi lược bỏ các tiếng “Âu ơ”, “ơ”, đặc biệt bỏ tiếng “lọ” trong cụm từ “lọ lục bình”. Từ “lục bình” ở đây là từ địa phương Nam Bộ, chỉ một loại bèo mà tiếng phổ thông gọi là bèo Nhật Bản. Loại bèo này có cuống lá phồng lên thành phao nổi, hoa màu tím hồng, mọc thành chùm ở ngọn, có thể ủ phân hoặc làm thức ăn cho lợn (*Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, Nxb. Đà Nẵng in lần thứ tám, đợt 2, 2002, tr. 55). Xin nói thêm: Loại bèo này còn được phơi khô làm nguyên liệu đan bện đồ dùng. - N.X.K.

13. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 17.

14. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 17.

15. Chúng tôi sưu tầm.

16. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 11.

17. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 103.

18. Trần Gia Linh (2015), quyển 2, sđd, tr. 25.

19. Tất cả các câu tục ngữ được trích từ: Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, mục “Tư liệu sưu tầm tục ngữ hiện đại”, tr. 119 - 150.

20. Câu chuyện này do tôi sưu tầm. Xin xem thêm các truyện “Xin đầu hàng” (tr. 161); “Mỹ mờ mắt dân” (tr. 161-162); “Bắt đầu thức tỉnh” (tr. 162); “Ngài cố Mỹ đi nghỉ mát” (tr. 162-163);

“Em thương hai anh” (tr. 163); “Văn hay võ giỏi” (tr. 164); “Bói quẻ đầu năm” (tr. 166-167); “Chui cầu tiêu” (tr. 167-168); “Cờ nhỏ xíu tao không thèm gỡ” (tr. 169-170); “Thi nói khoác” (tr. 171) trong: Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd; “Đổi chữ” (tr. 283-284) trong: Nguyễn Anh Đông (2015), *Sưu tầm văn học dân gian vùng sông Hậu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

21. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 45.

22. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 45.

23. Nguyễn Xuân Kính chủ biên (2019), *Văn hóa Việt Nam 1945-1975*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 322.

24. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 45, 125.

25. Câu này do chúng tôi ghi lại. Thời gian đó, giáo viên dạy toán hơn giáo viên dạy các môn khác, bởi vì sau khi ra bài tập cho học sinh làm trên lớp, người thầy có được ít thời gian thư giãn; học sinh thích giờ văn vì ít phải làm bài hoặc trả lời câu hỏi, thường được nghe thầy/cô giảng về những cái hay của những áng thơ, đoạn văn được trích giảng; trong tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm bán theo giá cung cấp cho giáo viên, thầy dạy môn thể dục được hưởng mức cao nhất.

26. Các câu tục ngữ được trích từ: Đinh Gia Khánh chủ biên, Chu Xuân Diên (1973), tập 2, sđd; Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd.

27. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 89.

28. Câu này do chúng tôi ghi lại.

29. Đặng Phong chủ biên (2005), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945 - 2000*, tập 2: 1955 - 1975, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 299.

30. Trong lời ca dao này, Đặng Phong chủ biên (2005), sđd, tr. 299 ghi hai lời đầu.

31. Truyện này do chúng tôi ghi lại.

32. Trần Gia Linh (2015), quyển 1, sđd, tr. 36.

33. Xin xem: Nxb. Khoa học xã hội (1977), *10 năm Nhà xuất bản Khoa học xã hội*, Hà Nội.

Theo GS. Lưu Thủ Hoa (Trường Đại học Sư phạm Hoa Trung, Trung Quốc), văn học dân gian nguyên sinh là văn học dân gian truyền thống mà cho đến hôm nay vẫn đang sống trong đời sống thực tế trên cửa miệng dân chúng; văn học dân gian tái sinh là văn học dân gian trải qua chỉnh lí và cải biên đã chuyển hóa thành dạng thức văn học viết hoặc văn học nghe nhìn, loại văn học dân gian này sau khi chuyển đổi hình thái lại một lần nữa trở về với dân chúng mọi nhà và truyền bá rộng rãi hơn cả trước đó (Nguyễn Xuân Kính, Bùi Thiên Thai (2019), “Một quan niệm phân loại/ phân chia khả dụng đối với văn học dân gian”, *Nguồn sáng dân gian*, số 1, tr.9).

34. Theo lời kể của một nhà khoa học, vốn là sinh viên Khoa Sử của đoàn thực tập năm đó.

35. Andrew Hardy (2014), *Nhà nhân học chân trần: Nghe và đọc Jacques Dournes*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

### Nguyễn Xuân Kính: *Folklore literature from the signing Geneva Agreement (1954) to the country's reunification (1975)*

During the two decades of the country's division, Vietnamese folklore literature reflected closely not only the anti-American resistance war in both regions but also the life, working, learning, and social relationships in the north. Proverbs, folklore poetry, jokes, anecdotes are the main genres of literature. While many folklore literature works of the ethnic minorities in the North have been collected, translated into Vietnamese language and rapidly transformed, the folklore literature of the ethnic minorities in Truong Son - Central Highlands areas have been less collected and transformed.

**Keywords:** Folklore literature, anti-American resistance war, folklore literature of the Viet people, folklore literature of ethnic minorities.